TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 428/2019/DS-PT Ngày: 16-5-2019 V/v tranh chấp thừa kế, đòi tiền bồi đắp đất.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thọ Viên

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Lệ Uyên

Ông Nguyễn Văn Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 16/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2019/TLPT-DS ngày 20 tháng 02 năm 2019 về việc "Tranh chấp thừa kế, đòi tiền bồi đắp đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 735/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận T1 Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1826/2019/QĐ-PT ngày 16 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị L, sinh năm: 1945
Địa chỉ: Kế số 5B khu R, Phường 16, Quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện ủy quyền: Bà Đào Thị Ánh T1, sinh năm: 1967
Địa chỉ: 146A L3 Đường H, Phường 12, Quận N1, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Theo văn bản ủy quyền ngày 06/11/2018).

- *Bị đơn:* Bà Dương Thị M, sinh năm: 1963
Địa chỉ: 5B Đường A, Phường 16, Quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên lạc: 60 Đường H2, Phường 16, Quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
1. Bà Lê Thị H1, sinh năm 1946 chết năm 2014
Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H1:
1.1. Ông Lê Minh C1, sinh năm: 1971
Địa chỉ: 12/2 Đường R2, Phường 15, Quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Ông Lê Văn N1, sinh năm: 1974

Địa chỉ: 981/9C Đường S, phường Tân Hưng, Quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Bà Lê Thị C2, sinh năm: 1969 (mất năng lực hành vi dân sự)

Địa chỉ: 981/9C Đường S, Phường Tân Hưng, Quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh. Có người giám hộ là ông Lê Minh C1 (là em ruột).

2. Bà Lê Thị K, sinh năm: 1951

Địa chỉ: 5/2 ấp 4, xã T3, huyện B2, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Lê Thị T2, sinh năm: 1955

Địa chỉ: 54 Đường C2, Phường 19, Quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Lê Thị G, sinh năm: 1961

Địa chỉ: 6/24 ấp 2, xã T3, huyện B2, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Lê Thị L2, sinh năm: 1964

Địa chỉ: B12/4 ấp 2, xã T3, huyện B2, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Ông Đào Minh C3, sinh năm: 1972

Địa chỉ: Kế số 5B khu R, Phường 16, Quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Ông Lê Huỳnh T2, sinh năm: 1982

8. Bà Lê Thị Ngọc H2, sinh năm: 1984

9. Ông Lê Thanh T3, sinh năm: 1988

10. Bà Lê Thị Ngọc B2, sinh năm: 1986

Cùng địa chỉ: 5B Đường A, Phường 16, Quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông T2, bà H2, ông T3 và bà B2 có cùng đại diện ủy quyền: Bà Dương Thị M, sinh năm: 1963

Địa chỉ liên lạc: 60 Đường H2, Phường 16, Quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 28/3/2018)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị L, bà Lê Thị L2, ông Lê Minh C1: Bà Trương Thị H3- Luật sư của Văn phòng luật sư Trương Thị H3 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Bà Lê Thị L, ông Lê Minh C1 và bà Lê Thị L2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn có đại diện là bà Đào Thị Ánh T1 trình bày:

Bà L là con của ông Lê Văn L3 (chết năm 2001) và bà Nguyễn Thị N2 (chết năm 1995). Ông L3 và bà N2 có 07 người con: Lê Thị L, Lê Thị H1 (chết năm 2014), Lê Thị K, Lê Thị T2, Lê Văn S (chết năm 2006), Lê Thị G, Lê Thị L2. Quá trình chung sống ông L3 và bà N2 có tạo dựng được các thửa đất được ghi nhận tại bản đồ hiện trạng vị trí áp ranh lập ngày 15/01/2015 của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên môi trường có tổng diện tích hiện trạng là 1.774.4 m^2 thuộc các thửa cũ 667, 673, 701, 702, 703. Bà yêu cầu được chia thừa kế theo quy định của pháp luật chia đều cho các anh chị em.

Đến ngày 19/11/2018, bà Lê Thị L có đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Dương Thị M trình bày:

Bà M và ông Lê Văn S là vợ chồng có đăng ký kết hôn năm 1982, trong quá trình chung sống và tạo dựng được tài sản như sau: Đất thửa 702, 666 và 667 tờ bản đồ số 3, Bộ địa chính, Phường 16, Quận T1. Ngày 06-11-1998 ông Lê Văn S được Ủy ban Nhân dân Quận T1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Văn S thửa 666 và 702. Còn thửa 667 có đăng ký sử dụng từ năm 1995 nhưng chưa được cấp giấy. Năm 1999, vợ chồng họ đăng ký kê khai sử dụng 2.140 m^2 trong đó bao gồm các thửa 702, 666 và 667 cùng với hiện trạng đất đang sử dụng. Năm 2003, ông S chuyển nhượng thửa 666 gồm 604 m^2 cho bà Đặng Thị Thấu.

Năm 2004, Ủy ban Nhân dân Quận T1 quyết định cho hộ ông Lê Văn S được chuyển đổi thửa 702 bao gồm 1.036 m^2 đất ao sang đất vườn.

Năm 2006, ông Lê Văn S chết không để lại di chúc.

Đối với thửa đất 667 do vợ chồng bà tạo dựng trên nền tảng đất của ông L3 và bà N2 đăng ký ruộng đất sau chuyển quyền sử dụng cho vợ chồng ông bà. Do đó, lúc ông S còn sống vợ chồng bà đã thống nhất chia cho mỗi người con của ông L3 và bà N2 với số đất 40 m^2 quy ra tiền. Các bà Lê Thị K, Lê Thị G, Lê Thị L2 đã nhận đủ tiền. Các bà Lê Thị L, Lê Thị H1, Lê Thị T2 chưa nhận nên bà tiếp tục thực hiện ý nguyện của ông S chia giá trị đất tương đương 40 m^2 cho họ theo giá thẩm định đất nông nghiệp.

Quá trình chung sống bà M và ông S có 04 người con chung: Lê Huỳnh T2, Lê Thị Ngọc H2, Lê Thanh T3 và Lê Thị Ngọc B2.

Theo bản đồ hiện trạng vị trí số 10036/ĐĐBĐ-VPTP lập ngày 16/01/2015 của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh, thể hiện: Khu đất có diện tích 1774.4 m^2 (Theo hiện trạng), trong đó có 91.8 m^2 – là Rạch (a). Việc sử dụng khu đất này là ổn định tứ cận các chủ đất không có tranh chấp ranh.

Vì vậy, bà M yêu cầu được thừa kế quyền sử dụng phần đất của ông Lê Văn S tại các thửa 702 (gồm một phần thửa 701, một phần thửa 702 và một phần thửa 703 có tổng diện tích 1159 m^2), thửa 667 (gồm một phần thửa đất 667, một phần thửa đất 673 có diện tích 523.6 m^2) cho bà và các con. Công nhận quyền sử dụng đất theo hiện trạng của khu đất cho bà và các con. Riêng phần nhà trên thửa 667 không có tranh chấp.

Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L vì khu đất này không phải là di sản thừa kế của ông Lê Văn L3 chết năm 2001 và bà Nguyễn Thị N2 chết năm 1995.

Do trước đây, bà L và gia đình đi kinh tế mới về có khó khăn không có chỗ ở nên bà mới cho bà L cất nhà tạm trên thửa 702 để ở và có cho ông Đào Minh C3 nuôi cá ở ao. Nay có tranh chấp nên yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị L và ông Đào Minh C3 trả lại phần đất đang chiếm giữ tại thửa 702.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

Theo đơn khởi kiện về yêu cầu độc lập ngày 28 tháng 4 năm 2011, ông Đào Minh C3 trình bày:

Năm 1996, ông ngoại ông C3 tên Lê Văn L3 có cho ông (bằng miệng) canh tác trồng rau, nuôi cá rô phi trên hai thửa đất ao 666 và 702 thuộc tờ bản đồ số 3 khu R, đường Đường H2, Phường 16, Quận T1. Trong thời gian canh tác ông đã đắp đất bờ ao, nạo vét ao, đóng cừ với số tiền là 20.000.000 đồng. Nay, mẹ ông L3 bà Lê Thị L cùng các con của ông L3 và bà N2 tranh chấp thừa kế đất với bà Dương Thị M. Nên ông yêu cầu bên nào nhận phần ao thì trả lại cho ông số tiền này.

Bà Lê Thị T2, bà Lê Thị L2 trình bày:

Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L yêu cầu chia thừa kế đều cho các con của ông Lê Văn L3 chết năm 2001 và bà Nguyễn Thị N2 chết năm 1995.

Bà Lê Thị G, bà Lê Thị K trình bày:

Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L yêu cầu chia thừa kế đều cho các con của ông Lê Văn L3 chết năm 2001 và bà Nguyễn Thị N2 chết năm 1995. Và xác nhận có nhận số tiền 20.000.000 đồng là tiền của vợ chồng Lê Văn S và bà Dương Thị M chia năm 2003 tương đương với 40m^2 đất di sản.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H1 chết năm 2014 gồm các ông bà Lê Văn N1, Lê Minh C1, Lê Thị C2 (mất năng lực hành vi dân sự) có người giám hộ là Lê Minh C1 cùng thống nhất trình bày:

Họ có cha tên Lại Phước Kiệu (chết năm 1985), mẹ tên Lê Thị H1 (chết năm 2014). Cha mẹ họ có 04 người con tên Lê Thị C2, Lê Minh C1, Lê Văn N1, Lại Văn Sáu (chết năm 2003). Họ yêu cầu chia phần đất thừa kế của bà Lê Thị H1 theo quy định của pháp luật

Ông bà Lê Huỳnh T2, Lê Thị Ngọc H2, Lê Thanh T3 và Lê Thị Ngọc B2 cùng thống nhất trình bày:

Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị M.

Tại cấp sơ thẩm:

- Bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được thừa kế di sản của Lê Văn S gồm thửa đất 702 và 667 theo hiện trạng.

- Yêu cầu ông Đào Minh C3 giao trả lại phần đất đang chiếm giữ trên thửa 702.

- Yêu cầu bà Lê Thị L giao trả lại phần đất đang chiếm giữ trên thửa 702. Nhất trí trả lại phần giá trị căn nhà theo thẩm định giá cho bà L.

- Tiếp tục tự nguyện thực hiện di nguyện của ông Lê Văn S lúc còn sống là chia cho các bà Lê Thị L, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H1 chết năm 2014 gồm các ông bà Lê Văn N1, Lê Minh C1, Lê Thị C2 (mất năng lực hành vi dân sự) có người giám hộ là Lê Minh C1, Lê Thị T2 mỗi bà 40 m^2 theo giá trị thẩm định giá đất nông nghiệp của thửa đất 667, hỗ trợ thêm mỗi bà Lê Thị K, Lê Thị G, Lê Thị L2 số tiền 50.000.000 đồng.

- Tự nguyện hỗ trợ cho bà Lê Thị L số tiền 50.000.000 đồng và Đào Minh C3 số tiền 20.000.000 đồng khi tiến hành giao trả lại phần đất đang chiếm giữ trên thửa 702.

Các con của bà M và ông Lê Văn S nhất trí với yêu cầu khởi kiện và sự tự nguyện của bà Dương Thị M.

Bà M và các con xác định: Tòa án xác định quyền sử dụng đất cho mỗi người được hưởng và họ tự phân chia.

Bà Lê Thị K và bà Lê Thị G xác nhận đã nhận số tiền 20.000.000 đồng của ông Lê Văn S và bà Dương Thị M giao tại Biên bản nhận tiền năm 2003, và hai bà không có ý kiến gì thêm.

Tại bản án số 735/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L.

2. Công nhận di sản thừa kế và hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê Văn S chết ngày 30/4/2006, bao gồm:

2.1 Quyền sử dụng đất cấp cho hộ tại một phần thửa 701, một phần thửa 702 và một phần thửa 703 có tổng diện tích 1159 m^2 thuộc Tờ bản đồ: Tờ thứ 3, Bộ địa chính, Phường 16, Quận T1 (Theo tài liệu 02/CT-UB); Tờ bản đồ: Số 114, Bộ địa chính, Phường 16, Quận T1 (Theo tài liệu năm 2001).

2.2 Quyền sử dụng đất ½ của 523.6 m^2 tại một phần thửa đất 667, một phần thửa đất 673 thuộc Tờ bản đồ: Tờ thứ 3, Bộ địa chính, Phường 16, Quận T1 (Theo tài liệu 02/CT-UB); Tờ bản đồ: Số 114, Bộ địa chính, Phường 16, Quận T1 (Theo tài liệu năm 2001) có trừ đi 73.1 m^2 diện tích hẻm thành lối đi chung lúc phân chia.

2.3 Hàng thừa kế thứ nhất bao gồm bà Dương Thị M cùng các con Lê Huỳnh T2, Lê Thị Ngọc H2, Lê Thanh T3, Lê Thị Ngọc B2.

3. Giao cho hộ bà Dương Thị M cùng các con Lê Huỳnh T2, Lê Thị Ngọc H2, Lê Thanh T3, Lê Thị Ngọc B2 quyền sử dụng đất diện tích 1159 m^2 tại một phần thửa 701, một phần thửa 702 và một phần thửa 703 thuộc Tờ bản đồ: Tờ thứ 3, Bộ địa chính, Phường 16, Quận T1 (Theo tài liệu 02/CT-UB); Tờ bản đồ: Số 114, Bộ địa chính, Phường 16, Quận T1 (Theo tài liệu năm 2001).

4. Tạm giao cho hộ bà Dương Thị M cùng các con Lê Huỳnh T2, Lê Thị Ngọc H2, Lê Thanh T3, Lê Thị Ngọc B2 tiếp tục sử dụng phần diện tích - Rạch (a) 91.8 m^2 đang sử dụng cùng một phần thửa 702 cho đến khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

5. Bà Dương Thị M được chia quyền sử dụng 45.05 m^2 + 225.25 m^2 = 270.3 m^2 đất và được nhận phần đất có căn nhà; Mỗi ông bà Lê Huỳnh T2, Lê Thị Ngọc H2, Lê Thanh T3, Lê Thị Ngọc B2 được chia quyền sử dụng 45.05 m^2 tại một phần thửa đất 667, một phần thửa đất 673 thuộc Tờ bản đồ: Tờ thứ 3, Bộ địa chính, Phường 16, Quận T1 (Theo tài liệu 02/CT-UB); Tờ bản đồ: Số 114, Bộ địa chính, Phường 16, Quận T1 (Theo tài liệu năm 2001) đã trừ đi 73.1 m^2 đất diện tích hẻm thành lối đi chung trước khi chia.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Dương Thị M cùng các con Lê Huỳnh T2, Lê Thị Ngọc H2, Lê Thanh T3, Lê Thị Ngọc B2 tự phân chia khi được giao quyền sử dụng phần đất này.

6. Buộc bà Lê Thị L và ông Đào Minh C3 phải có nghĩa vụ trả lại phần đất đang chiếm giữ không hợp pháp trên một phần thửa 702 cho hộ bà Dương Thị M cùng các con Lê Huỳnh T2, Lê Thị Ngọc H2, Lê Thanh T3, Lê Thị Ngọc B2.

Giao và chia đất theo bản đồ hiện trạng vị trí số 10036/ĐĐBĐ-VPTP lập ngày 16/01/2015 của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Hộ bà Dương Thị M cùng các con Lê Huỳnh T2, Lê Thị Ngọc H2, Lê Thanh T3, Lê Thị Ngọc B2 có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị L giá trị phần nhà trên một phần thửa 702 với số tiền 102.706.088 đồng (một trăm lẻ hai triệu bảy trăm lẻ sáu triệu không trăm tám mươi tám đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

8. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của ông Đào Minh C3, đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

9. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Dương Thị M như sau:

- Tiếp tục tự nguyện thực hiện di nguyện của ông Lê Văn S lúc còn sống là chia cho các bà Lê Thị L, Lê Thị T2, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H1 chết năm 2014 gồm các ông bà Lê Văn N1, Lê Minh C1, Lê Thị C2 (mất năng lực hành vi dân sự) có người giám hộ là Lê Minh C1 mỗi bà 40 m^2 theo giá trị thẩm định giá đất nông nghiệp của thửa đất 667 mỗi bà là 207.148.880 đồng (hai trăm lẻ bảy triệu một trăm bốn mươi tám ngàn tám trăm tăm mươi đồng).

- Hỗ trợ thêm mỗi bà Lê Thị K, Lê Thị G, Lê Thị L2 số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

- Tự nguyện hỗ trợ cho bà Lê Thị L số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và ông Đào Minh C3 số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) khi tiến hành giao trả lại phần đất đang chiếm giữ không hợp pháp trên một phần thửa 702.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, án phí dân sự sơ thẩm và nghĩa vụ thi hành án của đương sự theo luật định.

Ngày 04 tháng 01 năm 2019, bà Lê Thị L kháng cáo đề nghị: Bác toàn bộ yêu cầu của bà Dương Thị M về việc công nhận di sản thừa kế của ông Lê Văn S (chết năm 2006) vì toàn bộ diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc là của cha mẹ bà là ông Lê Văn L3 (chết 2001) và bà Nguyễn Thị N2 (chết năm 1995).

Ngày 07 tháng 01 năm 2019, bà Lê Thị L2, ông Lê Minh C1 cùng kháng cáo với nội dung yêu cầu: Chia thừa kế theo quy đinh pháp luật đối với di sản của ông Lê Văn L3 và bà Nguyễn Thị N2 để lại cho các con là quyền sử dụng đất các thửa 702, 666, 667 tờ bản đồ số 3, bộ địa chính Phường 16, Quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Lê Thị L, bà Lê Thị L2, ông Lê Minh C1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị L, bà Lê Thị L2, ông Lê Minh C1 đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các đương này. Trong trường hợp không chấp nhận yêu cầu kháng cáo thì đề nghị hủy án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ đầy đủ, không đưa đầy đủ người tham gia tố tụng, gây thiệt hại đến quyền lợi của đương sự.

Bà Dương Thị M và bà đại diện cho các con là các ông bà Lê Huỳnh T2, Lê Thị Ngọc H2, Lê Thanh T3, Lê Thị Ngọc B2 không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị L, bà Lê Thị L2, ông Lê Minh C1, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị L, bà Lê Thị L2, ông Lê Minh C1; Bản án sơ thẩm đã giải quyết đúng căn cứ pháp luật nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Lê Thị L, bà Lê Thị L2, ông Lê Minh C1 làm trong hạn luật định nên được chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị G có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt bà theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu kháng cáo của các đương sự nêu trên có đủ căn cứ xác định:

Bà Dương Thị M yêu cầu được thừa kế quyền sử dụng phần đất của ông Lê Văn S (chết năm 2006) tại các thửa 702 (gồm một phần thửa 701, một phần thửa 702 và một phần thửa 703 có tổng diện tích 1159 m^2), 667 (gồm một phần thửa đất 667, một phần thửa đất 673 có diện tích 523.6 m^2) cho bà và các con.

Về nguồn gốc nguồn, quá trình sử dụng đất tranh chấp đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương trả lời như sau:

Tại văn bản số 149/TNMT-VPĐK ngày 05/4/2011 của Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận T1 trả lời xác minh của Tòa án đối với các thửa đất đang tranh chấp nêu trên về nguồn gốc đất như sau:

- Thửa 666 (nay thửa 48 tờ bản đồ số 114 P16 – Theo tài liệu năm 2002) diện tích 604 m^2 do ông Lê Văn S tự khai phá sử dụng.

- Thửa 702/1036 m^2 được hợp tác xã giao khoán cho hộ ông Lê Văn L3 200 m^2 dừa lá (một phần thửa 344 cũ); phần đất còn lại 836 m^2 (gồm: Thửa 342 (cũ) diện tích 243 m^2 đất ao và thửa 325 (cũ) diện tích 593 m^2) của ông Lê Văn L3 sử dụng, đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg năm 1983.

- Thửa 702, 666 nêu trên được Ủy ban nhân dân Quận T1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/11/1998 (số vào sổ 00300 QSDĐ/3902/QĐ-UB) cho ông Lê Văn S.

- Thửa 341 tờ thứ 3 Phường 21 cũ nay là Phường 16 (theo tài liệu 299/TTg do ông Lê Văn L3 (đã chết) đăng ký theo chỉ thị 299/TTG; nhằm thửa 667 tờ thứ 3 Phường 16 (theo tài liệu 02/CT-UB) do ông Lê Văn S đăng ký sử dụng; nay là thửa 48 tờ bản đồ số 114 Phường 16 (theo tài liệu do năm 2002), diện tích 491 m^2.

- Thửa 702, 666 là đất nông nghiệp: Thời điểm năm 1989, Hợp tác xã nông nghiệp giao đất cho xã viên, lao động phụ và ăn theo xã viên (từ năm 1984 trở về trước) theo bình quân nhân khẩu nông nghiệp do Hộ gia đình (chủ hộ đại diện nhận đất) với 07 nhân khẩu có tên: Vợ chồng ông Lê Văn L3 (chết năm 2001), bà Nguyễn Thị N2 (chết năm 1995) cùng 05 con cháu là Lê Thị L2g (con ruột), Lê Văn S (con ruột chết năm 2006), Dương Thị M (con dâu), Lê Huỳnh T2 (cháu nội), Lê Thị Ngọc H2 (cháu nội).

- Thửa 666 ông Lê Văn S chuyển nhượng cho bà Đặng Thị Thấu và được Ủy ban nhân dân Quận T1 cấp Giấy chứng nhận ngày 18/3/2004, số 00825QSDĐ/972/QĐ-UB, diện tích 604 m^2.

Tại Công văn số 138/UBND-TNMT ngày 30/11/2012 của Ủy ban nhân dân Quận T1 trả lời vì sao khi ông Lê Văn L3 (chết năm 2001), bà Nguyễn Thị N2 (chết năm 1995), ông Lê Văn S một mình đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như sau:

Căn cứ khoản 2 Điều 76 của Luật đất đai năm 1993 quy định: Hộ gia đình được Nhà nước giao đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, nuôi trồng thuỷ sản, nếu trong hộ có thành viên chết thì các thành viên khác trong hộ được quyền tiếp tục sử dụng diện tích đất mà Nhà nước đã giao cho hộ. Trường hợp trong hộ gia đình không còn thành viên nào thì Nhà nước thu hồi đất.

Do đó, khi ông L3 và bà N2 chết, trong hộ còn lại 05 nhân khẩu nông nghiệp gồm: Lê Thị L2g (con ruột), Lê Văn S (con ruột chết năm 2006), Dương Thị M (con dâu), Lê Huỳnh T2 (cháu nội), Lê Thị Ngọc H2 (cháu nội) tiếp tục sử dụng khu đất thửa 702, 666. Tháng 5/1995, ông Lê Văn S đại diện các thành viên khác còn lại trong hộ đăng ký quyền sử dụng đất tại thửa 702, 666 tờ bản đồ thứ 3 (theo tài liệu 02/CT-UB) loại đất ao (nuôi trồng thủy sản). Xét đơn đăng ký quyền sử dụng đất của hộ ông Lê Văn S đang trực tiếp sử dụng đất, không có tranh chấp nên ngày 14/3/1996 Ủy ban nhân dân Phường 16, Quận T1 đề xuất thuận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ ông Lê Văn S tại thửa 702, 666. Ngày 06/11/1998, Ủy ban nhân dân Quận T1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Văn S.

Tại văn bản số 138/UBND ngày 02/5/2012 của Ủy ban nhân dân Phường 16, Quận T1 trả lời như sau:

Thửa 702 tờ bản đồ thứ 3 (theo tài liệu CT02/1995): Qua chỉnh lý bản đồ địa chính được lập năm 2001, ban hành tháng 4/2002 thì thửa 702 được biến đổi thành 2 thửa, thuộc thửa 58 và 61; tờ bản đồ số 114 (BĐC) P16-Q8, trong đó thửa 58 có xây dựng một căn nhà.

Tại văn bản số 422/UBND ngày 28/12/2015 của Ủy ban nhân dân Phường 16, Quận T1 trả lời nguồn gốc, xác định tứ cận khu đất theo hiện trạng (tại các thửa đất số 667, 673, 701, 702, 703 tờ bản đồ số 3 – Bộ địa chính P16-Q8 (Theo tài liệu 02/CT-UB) theo bản đồ hiện trạng vị trí số 10036/ĐĐBĐ-VPTP lập ngày 16/01/2015 của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh, như sau:

- Thửa đất số 702, 666 được cấp Giấy chứng nhận đất nông nghiệp cho ông Lê Văn S theo Giấy chứng nhận số 00300QSDĐ/3902/QĐ-UB cấp ngày 06/11/1998.

- Năm 1999, ông (bà) Lê Văn S và Dương Thị M đăng ký Tờ đăng ký nhà - đất năm 1999 vào ngày 10/8/1999 với diện tích đăng ký 2140 m^2.

- Về ranh tứ cận của các thửa đất nêu trên: Không có tranh chấp về ranh đất, đã đóng cọc xác định ranh.

Tại Sổ hộ khẩu gia đình chủ hộ Lê Văn L3 tại địa chỉ 5B Đường A, Phường 16, Quận T1 thể hiện Lê Thị L2g (con) chuyển đi ngày 15/5/2001, nơi chuyển

đến B12/4 ấp 2, xã T3, huyện B2, Thành phố Hồ Chí Minh; ông Lê Văn L3 chết ngày 03/7/2001; bà Nguyễn Thị N2 chết ngày 08/02/1995; Ngày 09/4/2003, ông Lê Văn S làm chủ hộ gia đình, trong hộ có: Bà Dương Thị M (vợ), Lê Huỳnh T2 (con), Lê Thị Ngọc H2 (con), Lê Thanh T3 (con), Lê Thị Ngọc B2 (con). Năm 2006 ông S chết bà Dương Thị M làm chủ hộ.

Tại biên bản nhận tiền lập ngày 28/7/2003, thể hiện chia đất tại thửa 667 (500 m^2), mỗi người nhận 35 m^2 với số tiền 20.000.000 đồng; các bà Lê Thị K, Lê Thị G, Lê Thị L2 đã nhận mỗi người 20.000.000 đồng. Các bà Lê Thị L, Lê Thị H1, Lê Thị T2 chưa nhận.

Tại Quyết định số 3184/QĐ-UB ngày 12/8/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận T1, chấp thuận cho hộ ông Lê Văn S được thay đổi như sau: Trọn thửa 702 tờ bản đồ thứ 3 Phường 16 Quận T1 diện tích 1036 m^2 từ đất ao được chuyển sang đất vườn.

Từ kết quả xác minh, thu thập chứng cứ nêu trên có đủ căn cứ xác định: Thời điểm năm 1989, thửa 702 là đất nông nghiệp, Hợp tác xã nông nghiệp giao đất cho xã viên, lao động phụ và ăn theo xã viên (từ năm 1984 trở về trước) theo bình quân nhân khẩu nông nghiệp do Hộ gia đình (chủ hộ đại diện nhận đất) với 07 nhân khẩu có tên: Vợ chồng ông Lê Văn L3 (chết năm 2001), bà Nguyễn Thị N2 (chết năm 1995) cùng 05 con cháu là Lê Thị L2g (con ruột), Lê Văn S, Dương Thị M (con dâu), Lê Huỳnh T2 (cháu nội), Lê Thị Ngọc H2 (cháu nội).

Tháng 5/1995, ông Lê Văn S đại diện các thành viên khác còn lại trong hộ đăng ký quyền sử dụng đất tại thửa 702 tờ bản đồ thứ 3 (theo tài liệu 02/CT-UB) loại đất ao (nuôi trồng thủy sản), được cấp Giấy chứng nhận đất nông nghiệp cho hộ ông Lê Văn S theo Giấy chứng nhận số 00300QSDĐ/3902/QĐ-UB cấp ngày 06/11/1998. Việc cấp đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đất nông nghiệp cho hộ ông Lê Văn S là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 76 của Luật đất đai năm 1993, quy định: Hộ gia đình được Nhà nước giao đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, nuôi trồng thuỷ sản, nếu trong hộ có thành viên chết thì các thành viên khác trong hộ được quyền tiếp tục sử dụng diện tích đất mà Nhà nước đã giao cho hộ. Trường hợp trong hộ gia đình không còn thành viên nào thì Nhà nước thu hồi đất và tại Điều 6 của Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993, quy định: Đối tượng giao đất nông nghiệp để sử dụng ổn định lâu dài là nhân khẩu nông nghiệp thường trú tại địa phương, kể cả những người đang làm nghĩa vụ quân sự.

Ông S chết năm 2006 không để lại di chúc, nên hàng thừa kế thứ nhất của ông S, gồm bà Dương Thị M (vợ), Lê Huỳnh T2 (con), Lê Thị Ngọc H2 (con), Lê Thanh T3 (con), Lê Thị Ngọc B2 (con) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 676 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Đối với thửa 667, qua xác minh thì xác định được nguồn gốc như sau: Thửa 667 tờ thứ 3 phường 16 (theo tài liệu 02/CT-UB) do ông Lê Văn S đăng ký sử dụng năm 1995; nay là thửa 48 tờ bản đồ số 114 Phường 16 (theo tài liệu do năm 2002), diện tích 491 m^2.

Năm 1999, ông Lê Văn S và Dương Thị M đăng ký Tờ đăng ký nhà đất năm 1999 vào ngày 10/8/1999 với diện tích đăng ký 2140 m^2, có nộp thuế theo quy định.

Trên thửa 667, có căn nhà địa chỉ: 5B khu R, Đường A, Phường 16, Quận T1, đăng ký hộ khẩu thường trú và Giấy khai sinh của gia đình ông S và các con tại đây. Gia đình ông Lê Văn S và Dương Thị M sử dụng ổn định, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế cho nhà nước. Cấp sơ thẩm công nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn S và bà Dương Thị M là phù hợp với quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 100 của Luật đất đai năm 2013 và Tại khoản 2 Điều 18, Điều 21 của Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15/5/2015.

Theo đó, xác định được quyền sử dụng đất tại thửa đất 667 (491m^2) là tài sản của ông Lê Văn S và bà Dương Thị M tạo lập nên khi ông S chết 1/2 tài sản này là di sản thừa kế được chia đều cho bà Dương Thị M cùng các con Lê Huỳnh T2, Lê Thị Ngọc H2, Lê Thanh T3, Lê Thị Ngọc B2 theo quy định tại Điều 733, 734 của Bộ luật dân sự năm 2005, khoản 5 Điều 113 của Luật đất đai 2003.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị M được thừa kế quyền sử dụng phần đất của ông Lê Văn S (chết năm 2006) tại các thửa 702 (gồm một phần thửa 701, một phần thửa 702 và một phần thửa 703 có tổng diện tích 1159 m^2), 667 (gồm một phần thửa đất 667, một phần thửa đất 673 có diện tích 523.6 m^2) cho bà và các con là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên giữ nguyên án sơ thẩm; Yêu cầu kháng cáo của các đương sư về việc yêu cầu chia thừa kế theo quy đinh pháp luật đối với di sản của ông Lê Văn L3 và bà Nguyễn Thị N2 để lại cho các con là quyền sử dụng đất các thửa 702, 666, 667 tờ bản đồ số 3, bộ địa chính Phường 16, Quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh là không có căn cứ chấp nhận.

Theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó". Ngày 18/11/2018 nguyên đơn bà Lê Thị L rút toàn bộ yêu cầu của mình và việc rút yêu cầu của bà L là hoàn toàn tự nguyện nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu của bà L theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn là bà Dương Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của ông Lê Văn S nên căn cứ vào khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn trở thành nguyên đơn và nguyên đơn trở thành bị đơn. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bên bà L là bà Lê Thị L2, ông Lê Minh C1 vẫn yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của ông Lê Văn L3 và bà Nguyễn Thị N2. Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa các đương sự là các con của ông L3 và bà N2, các con của ông S và bà M vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo hàng thừa kế thứ nhất. Bà L rút đơn khởi kiện và bà L và các con là Đào Thị Ánh T1, Đào Văn Cảnh, Đào Minh C3 không có đơn yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của ông Đào Văn Sum là

chồng và cha mình chết để lại nên cấp sơ thẩm không đưa các con bà L và ông Sum vào tham gia tố tụng là đúng.

Đối với thửa 666 ông Lê Văn S chuyển nhượng cho bà Đặng Thị Thấu và được Ủy ban nhân dân Quận T1 cấp Giấy chứng nhận ngày 18/3/2004, số 00825QSDĐ/972/QĐ-UB, diện tích 604 m^2. Thửa đất trên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông S, việc chuyển nhượng theo đúng trình tự quy định pháp luật, các đương sự không có tranh chấp trong quá trình thực hiện chuyển nhượng này nên cấp sơ thẩm không đưa bà Đặng Thị Thấu vào tham gia tố tụng là đúng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ nguồn gốc quá trình sử dụng đất tranh chấp, xác định giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, tống đạt các văn bản tố tụng trong vụ án cho đương sự tham gia tố tụng một cách đầy đủ nên việc Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị L, bà Lê Thị L2, ông Lê Minh C1 và các đương sự kháng cáo đề nghị nghị hủy án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ đầy đủ, không đưa đầy đủ người tham gia tố tụng như đã nhận xét là không có căn cứ để chấp nhận.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị L được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy đinh tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Đối với bà Lê Thị L2, ông Lê Minh C1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 148, Điều 293, Khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị L, bà Lê Thị L2, ông Lê Minh C1.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm, xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L.

Chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị M

2. Công nhận di sản thừa kế và hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê Văn S chết ngày 30/4/2006, bao gồm:

2.1. Quyền sử dụng đất cấp cho hộ tại một phần thửa 701, một phần thửa 702 và một phần thửa 703 có tổng diện tích 1159 m^2 thuộc Tờ bản đồ: Tờ thứ 3, Bộ địa chính, Phường 16, Quận T1 (Theo tài liệu 02/CT-UB); Tờ bản đồ: Số 114, Bộ địa chính, Phường 16, Quận T1 (Theo tài liệu năm 2001).

2.2. Quyền sử dụng đất ½ của 523.6 m^2 tại một phần thửa đất 667, một phần thửa đất 673 thuộc Tờ bản đồ: Tờ thứ 3, Bộ địa chính, Phường 16, Quận T1 (Theo tài liệu 02/CT-UB); Tờ bản đồ: Số 114, Bộ địa chính, Phường 16, Quận T1 (Theo tài liệu năm 2001) có trừ đi 73.1 m^2 diện tích hẻm thành lối đi chung lúc phân chia.

2.3. Hàng thừa kế thứ nhất bao gồm bà Dương Thị M cùng các con Lê Huỳnh T2, Lê Thị Ngọc H2, Lê Thanh T3, Lê Thị Ngọc B2.

3. Giao cho hộ bà Dương Thị M cùng các con Lê Huỳnh T2, Lê Thị Ngọc H2, Lê Thanh T3, Lê Thị Ngọc B2 quyền sử dụng đất diện tích 1159 m^2 tại một phần thửa 701, một phần thửa 702 và một phần thửa 703 thuộc Tờ bản đồ: Tờ thứ 3, Bộ địa chính, Phường 16, Quận T1 (Theo tài liệu 02/CT-UB); Tờ bản đồ: Số 114, Bộ địa chính, Phường 16, Quận T1 (Theo tài liệu năm 2001).

4. Tạm giao cho hộ bà Dương Thị M cùng các con Lê Huỳnh T2, Lê Thị Ngọc H2, Lê Thanh T3, Lê Thị Ngọc B2 tiếp tục sử dụng phần diện tích - Rạch (a) 91.8 m^2 đang sử dụng cùng một phần thửa 702 cho đến khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

5. Bà Dương Thị M được chia quyền sử dụng 45.05 m^2 + 225.25 m^2 = 270.3 m^2 đất và được nhận phần đất có căn nhà; mỗi ông bà Lê Huỳnh T2, Lê Thị Ngọc H2, Lê Thanh T3, Lê Thị Ngọc B2 được chia quyền sử dụng 45.05 m^2 tại một phần thửa đất 667, một phần thửa đất 673 thuộc Tờ bản đồ: Tờ thứ 3, Bộ địa chính, Phường 16, Quận T1 (Theo tài liệu 02/CT-UB); Tờ bản đồ: Số 114, Bộ địa chính, Phường 16, Quận T1 (Theo tài liệu năm 2001) đã trừ đi 73.1 m^2 đất diện tích hẻm thành lối đi chung trước khi chia.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Dương Thị M cùng các con Lê Huỳnh T2, Lê Thị Ngọc H2, Lê Thanh T3, Lê Thị Ngọc B2 tự phân chia khi được giao quyền sử dụng phần đất này.

6. Buộc bà Lê Thị L và ông Đào Minh C3 phải có nghĩa vụ trả lại phần đất đang chiếm giữ không hợp pháp trên một phần thửa 702 cho hộ bà Dương Thị M cùng các con Lê Huỳnh T2, Lê Thị Ngọc H2, Lê Thanh T3, Lê Thị Ngọc B2.

Giao và chia đất theo bản đồ hiện trạng vị trí số 10036/ĐĐBĐ-VPTP lập ngày 16/01/2015 của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Hộ bà Dương Thị M cùng các con Lê Huỳnh T2, Lê Thị Ngọc H2, Lê Thanh T3, Lê Thị Ngọc B2 có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị L giá trị phần nhà trên một phần thửa 702 với số tiền 102.706.088 đồng (một trăm lẻ hai triệu bảy trăm lẻ sáu triệu không trăm tám mươi tám đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

8. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của ông Đào Minh C3, đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

9. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Dương Thị M như sau:

- Tiếp tục tự nguyện thực hiện di nguyện của ông Lê Văn S lúc còn sống là chia cho các bà Lê Thị L, Lê Thị T2, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H1 chết năm 2014 gồm các ông bà Lê Văn N1, Lê Minh C1, Lê Thị C2 (mất năng lực hành vi dân sự) có người giám hộ là Lê Minh C1 mỗi bà 40 m^2 theo giá trị thẩm định giá đất nông nghiệp của thửa đất 667 mỗi bà là 207.148.880 đồng (hai trăm lẻ bảy triệu một trăm bốn mươi tám ngàn tám trăm tăm mươi đồng).

- Hỗ trợ thêm mỗi bà Lê Thị K, Lê Thị G, Lê Thị L2 số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

- Tự nguyện hỗ trợ cho bà Lê Thị L số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và ông Đào Minh C3 số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) khi tiến hành giao trả lại phần đất đang chiếm giữ không hợp pháp trên một phần thửa 702.

10. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị L phải chịu là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.800.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 002025 ngày 05/10/2009 của Thi hành án dân sự Quận T1 nên được trả lại số tiền 3.500.000 đồng.

- Ông Đào Minh C3 phải chịu là 300.000 đồng và bị tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số số 00587 ngày 28/4/2011 của chi Cục Thi hành án dân sự Quận T1.

- Hộ bà Dương Thị M cùng các con Lê Huỳnh T2, Lê Thị Ngọc H2, Lê Thanh T3, Lê Thị Ngọc B2 phải chịu là 5.135.304 đồng.

- Bà Dương Thị M phải chịu là 68.130.186 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 35.625.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018228 ngày 04/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T1 nên còn phải chịu là 32.505.186 đồng.

- Các ông bà Lê Huỳnh T2, Lê Thị Ngọc H2, Lê Thanh T3, Lê Thị Ngọc B2 mỗi người phải chịu là 11.665.071 đồng.

- Bà Dương Thị M cùng các ông bà Lê Huỳnh T2, Lê Thị Ngọc H2, Lê Thanh T3, Lê Thị Ngọc B2 phải chịu chung số tiền là 18.928.229 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị L2 chịu 300.000 đồng được cấn trừ vào Biên lai thu số 0018984 ngày 11/01/2019, ông Lê Minh C1 chịu 300.000

đồng được cấn trừ vào Biên lai thu số 0018986 ngày 11/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Tòa án nhân dân Quận T1;
- Chi Cục THADS Quận T1;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thọ Viên